

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2764/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh An Giang

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: S..... Ngày: 09/11/18

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 402/KH-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện năm 2016 Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016 -2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – VPCP;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH AG;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH



Vương Bình Thạnh

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày
31 / 10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I: CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH

1. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau cắt giảm
A	Lĩnh vực Đầu tư		
1	Thủ tục cấp GCN đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	12 ngày làm việc	07 ngày làm việc
2	Thủ tục điều chỉnh GCN đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
B	Lĩnh vực xây dựng		
3	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án đầu tư vào KCN, KKT cửa khẩu	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

2. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thực	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
5	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
6	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thực	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
7	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
8	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
9	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
10	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	20 ngày	16 ngày

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
		làm việc	làm việc
11	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
12	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
13	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
14	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
15	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
16	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
17	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
18	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
19	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
20	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động	15 ngày	12 ngày

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
	giáo dục trở lại	làm việc	làm việc
21	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
22	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc
23	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
24	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
25	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	35 ngày làm việc (15 ngày cho Sở Nội vụ, 20 ngày cho UBND tỉnh)	28 ngày làm việc
26	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc
27	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
28	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
29	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
30	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
31	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
32	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
33	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	20 ngày làm việc	8 ngày làm việc
34	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
35	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
36	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
37	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
38	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
39	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
40	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
41	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	05 ngày làm việc	4 ngày làm việc
42	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
43	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng Giáo dục Mầm non	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
44	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
45	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học (Bao gồm trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ; trường phổ thông dân tộc bán trú trường chuyên thuộc các loại hình trong hệ thống giáo dục quốc dân)	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
46	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
47	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
48	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc
49	Công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc
50	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
51	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Chưa quy định cụ thể. Việc xin học lại được thực hiện trong thời gian hè trước khi khai giảng năm học mới.	
52	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
II.	ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI		
53	Phê duyệt đề án liên kết Đào tạo với nước ngoài	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
54	Gia hạn đề án liên kết Đào tạo với nước ngoài	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
55	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	50 ngày làm việc	40 ngày làm việc
56	Cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
57	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	27 ngày làm việc	22 ngày làm việc
58	Bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy đối với cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
59	Giải thể cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
60	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
61	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
III.	LĨNH VỰC QUY CHẾ THI, TUYỂN SINH		
62	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia	15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc	12 ngày làm việc từ ngày hết hạn nhận đơn

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
		khảo.	phúc khảo
IV.	LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ		
63	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
64	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

3. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau cắt giảm
A	Lĩnh vực Đầu tư		
1	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư	35 ngày làm việc	16 ngày làm việc
2	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư	26 ngày làm việc	12 ngày làm việc
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký (UBND tỉnh đã quyết định chủ trương đầu tư)	40 ngày làm việc	1 ngày làm việc
4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký (không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
5	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký (không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
6	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký (thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - UBND tỉnh đã quyết định chủ trương đầu tư)	26 ngày làm việc	1 ngày làm việc
B	Lĩnh vực Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)		
I	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C do Ủy ban nhân dân tỉnh lập		
7	Thẩm định đề xuất dự án (nhóm A, B, C)	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
8	Thời gian phê duyệt đề xuất dự án	05 ngày làm việc	4 ngày làm việc
II	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư		
9	Thẩm định đề xuất dự án của Nhà đầu tư	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau cắt giảm
10	Thời gian phê duyệt đề xuất dự án	05 ngày làm việc	4 ngày làm việc
III	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B		
11	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
12	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm B	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
C	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp		
I. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp			
13	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
14	Bán doanh nghiệp tư nhân	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
15	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
16	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
17	Hợp nhất doanh nghiệp	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
18	Sáp nhập doanh nghiệp	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau cắt giảm
19	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
20	Giải thể doanh nghiệp	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc
21	Giải doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc
22	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc
II. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu			
23	Thành lập công ty TNHH một thành viên do viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
24	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
25	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
26	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
27	Giải thể công ty TNHH một thành viên	5 ngày làm việc	
D	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã		
28	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
29	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau cắt giảm
30	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
31	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
32	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
33	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
34	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
35	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
36	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
37	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
38	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
39	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
40	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
41	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau cắt giảm
42	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
43	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
44	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
45	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
46	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
47	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
48	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
49	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
50	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc

4. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
A	Lĩnh vực hoạt động KH&CN		
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho Văn phòng Đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức KH&CN công lập, ngoài công lập.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
4	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
5	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
6	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
7	Thủ tục khai báo thiết bị X - quang chẩn đoán y tế	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
8	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X quang trong chẩn đoán y tế).	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
9	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X quang trong chẩn đoán y tế).	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc
10	Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X quang chẩn đoán trong y tế).	10 ngày làm việc	09 ngày làm việc
11	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X quang y tế).	10 ngày làm việc	09 ngày làm việc

5. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG			
1	Thủ tục thẩm định chương trình huấn luyện chi tiết về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Cơ sở	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
2	Thủ tục khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
3	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
	ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)		
5	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
6	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

7	Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
8	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
9	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
10	Thủ tục quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
11	Thủ tục Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
12	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
III. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
13	Thủ tục đưa người nghiện ma túy tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC			
14	Thủ tục đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày làm việc	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
15	Thủ tục đăng ký hợp đồng cá nhân	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
V. LĨNH VỰC VIỆC LÀM			
16	Thủ tục cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
17	Thủ tục báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
18	Thủ tục báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
19	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
20	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
21	Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
VI. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
22	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
23	Thủ tục gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
VII. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			
24	Thủ tục thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập	Bước 6: 10 ngày làm việc	Bước 6: 10 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày làm việc
25	Thủ tục thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	Bước 6: 10 ngày làm việc	Bước 6: 10 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày làm việc
26	Thủ tục thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục có từ 02 thành viên góp vốn trở lên	Bước 6: 10 ngày làm việc	Bước 6: 10 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày làm việc
27	Thủ tục thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Bước 6: 30 ngày làm việc	Bước 6: 30 ngày làm việc giảm xuống còn 20 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
28	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp công lập	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
29	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp tư thục	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
30	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp tư thục có từ 02 thành viên góp vốn trở lên	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
31	Thủ tục thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp)	30 ngày làm việc	Bước 6: 30 ngày làm việc giảm xuống còn 20 ngày làm việc
32	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)	Bước 6: 30 ngày làm việc	Bước 6: 30 ngày làm việc giảm xuống còn 20 ngày làm việc
33	Thủ tục hành lập hội đồng trường trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
34	Thủ tục thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
35	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
36	Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên trong hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
37	Thủ tục chia tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
38	Thủ tục chia tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
39	Thủ tục chia tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc
40	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp vi phạm quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
41	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
42	Thủ tục đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
43	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp đối với trường trung cấp công lập	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
44	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp đối với trường trung cấp tư thục	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
45	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp đối với trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
46	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp công lập	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
47	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
48	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với doanh nghiệp	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
49	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
50	Thủ tục đăng ký hoạt động liên kết đào tạo của trường trung cấp, trung tâm GDNN với cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài	35 ngày làm việc	25 ngày làm việc
51	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung quy mô tuyển sinh, ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo; chia, tách, sáp nhập hoặc có sự thay đổi giấy tờ có liên quan	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
52	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp chuyển trụ sở chính, thành lập hoặc chuyển trụ sở phân hiệu, mở thêm địa điểm đào tạo hoặc liên kết đào tạo ngoài trụ sở chính, phân hiệu	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
53	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
54	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp thôi tuyển sinh hoặc giảm quy mô tuyển sinh	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
55	Thủ tục xác nhận phôi chứng chỉ sơ cấp, bản sao chứng chỉ sơ cấp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc

6. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định của Bộ TNMT (ngày làm việc)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm (ngày làm việc)
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	50 ngày làm việc	30 ngày làm việc
2	Thủ tục thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	50 ngày làm việc	30 ngày làm việc
3	Thủ tục thẩm định và phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết	40 ngày làm việc	25 ngày làm việc
4	Thủ tục thẩm định và xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	80 ngày làm việc	40 ngày làm việc
5	Thủ tục xem xét cấp lần đầu, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH)		
	5.1 Đối tượng phải thành lập Đoàn kiểm tra.	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc
	5.2 Đối tượng không phải thành lập Đoàn kiểm tra.	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
6	Thủ tục chứng nhận cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để	50 ngày làm việc	30 ngày làm việc
7	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc
8	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc

9	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
10	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc
11	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc
12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc
13	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc
14	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc

7. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và truyền thông tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
A	LĨNH VỰC BƯU CHÍNH		
1	Cấp giấy phép bưu chính	30 ngày làm việc	12 ngày làm việc
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	không quá 10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
4	Cấp lại giấy phép bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc	3 ngày làm việc
5	Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
6	Cấp lại Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc	3 ngày làm việc
B	LĨNH VỰC BÁO CHÍ		
7	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản Bản tin	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc
8	Thủ tục thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc
C	LĨNH VỰC XUẤT BẢN		
9	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc
D	LĨNH VỰC IN		
10	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
11	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc
12	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc
E	LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐIỆN TỬ		
13	Thủ tục cấp giấy phép trang thông tin điện tử tổng hợp	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc

8. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn			
1	Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
2	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc
II. Lĩnh vực Mỹ thuật			
3	Thủ tục Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
4	Thủ tục Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
III. Lĩnh vực Quảng cáo			
5	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn	05 ngày làm việc	- 05 ngày làm việc: đối với bảng quảng cáo - 04 ngày làm việc: đối với băng rôn quảng cáo
6	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc
IV	Lĩnh vực kinh doanh du lịch		

7	Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch.	30 ngày	25 ngày
8	Thủ tục thẩm định lại cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch	30 ngày	25 ngày

9. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ				
1	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	02 ngày làm việc	UBND tỉnh chấp thuận (đường địa phương)
		07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở GTVT chấp thuận (quốc lộ ủy thác quản lý)
2	Thủ tục chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	02 ngày làm việc	UBND tỉnh chấp thuận (đường địa phương)
		07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở GTVT chấp thuận (quốc lộ ủy thác quản lý)
3	Thủ tục chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	10 ngày làm việc	02 ngày làm việc	UBND tỉnh chấp thuận (đường địa phương)
		10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở GTVT chấp thuận, cấp phép thi công (quốc lộ ủy thác quản lý)
4	Thủ tục gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	UBND tỉnh chấp thuận (đường địa phương)
		05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở GTVT chấp thuận, cấp phép thi công (quốc lộ ủy thác quản lý)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
5	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở GTVT cấp phép thi công
6	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở GTVT cấp phép thi công
7	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở GTVT cấp phép thi công
8	Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở GTVT chấp thuận
9	Thủ tục gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở GTVT chấp thuận
10	Thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở GTVT cấp phép
11	Thủ tục đề nghị đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác	20 ngày làm việc	02 ngày làm việc	UBND tỉnh có văn bản thỏa thuận với Tổng cục ĐBVN (đầu nối quốc lộ)
		10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	UBND tỉnh chấp thuận đường giao thông địa phương

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
12	Thủ tục chấp thuận các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) trên đường tỉnh, đường đô thị trong địa bàn tỉnh hoặc trên nhiều hệ thống đường bộ (trừ quốc lộ hoặc trên nhiều hệ thống đường bộ trong đó có quốc lộ)	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở GTVT chấp thuận
III. LĨNH VỰC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG				
13	Thủ tục cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cơ sở đào tạo
14	Thủ tục đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Cơ sở đào tạo
IV. LĨNH VỰC CẤP PHÉP ĐÀO TẠO, HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM SÁT HẠCH, SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE				
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
16	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
17	Thủ tục cấp Giấy phép xe tập lái	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
18	Thủ tục cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
19	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo hoặc lưu lượng đào tạo	08 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
20	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở GTVT cấp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
22	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch loại 3 có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
23	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
24	Thủ tục lập lại hồ sơ gốc lái xe	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
V. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ				
25	Thủ tục công bố lần đầu đưa bến xe khách vào khai thác	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
26	Thủ tục công bố lại bến xe khách	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
27	Thủ tục công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
28	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
29	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định do thay đổi nội dung	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
30	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định bị hư hỏng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
31	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
32	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt do thay đổi nội dung	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
33	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt hết hạn	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
34	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt bị hư hỏng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
35	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
36	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi do thay đổi nội dung	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
37	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi hết hạn	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
38	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách xe Taxi bị hư hỏng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
39	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
40	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô do thay đổi nội dung	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
41	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô hết hạn	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
42	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô bị hư hỏng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
43	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
44	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch do thay đổi nội dung	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
45	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch hết hạn	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
46	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	đồng, vận tải khách du lịch bị hư hỏng			
47	Thủ tục đăng ký khai thác, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe tuyến cố định nội tỉnh	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
48	Thủ tục ngừng khai thác tuyến xe buýt	08 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
49	Thủ tục cấp mới, cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch hết hiệu lực	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	
50	Thủ tục cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch bị mất, bị hỏng	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
51	Thủ tục cấp phù hiệu vận tải	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Phương tiện mang biển số địa phương
		08 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Phương tiện mang biển số địa phương khác
52	Thủ tục cấp phù hiệu xe nội bộ	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Phương tiện mang biển số địa phương
		08 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Phương tiện mang biển số địa phương khác
53	Thủ tục cấp phù hiệu xe trung chuyển	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Phương tiện mang biển số địa phương
		08 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Phương tiện mang biển số địa phương khác
VI. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT NAM - CAMPUCHIA				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
54	Thủ tục cấp phép liên vận phương tiện phi thương mại Việt Nam - Campuchia	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
VII. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT NAM - LÀO				
55	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện thương mại	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
56	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
VIII. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUA LIÊN QUỐC GIA: VIỆT NAM – CAMPUCHIA - LÀO				
57	Thủ tục cấp Giấy phép vận tải CLV cho xe vận tải hành khách cố định	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
58	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
59	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam – Lào – Campuchia.	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
IX. LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY				
60	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng đối với luồng, tuyến đường thủy nội địa mới có dự án đầu tư xây dựng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	UBND tỉnh công bố
		05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Sở GTVT trình UBND tỉnh
61	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng đối với luồng, tuyến đường thủy nội địa mới không có dự án đầu tư xây dựng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	UBND tỉnh công bố
		05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Sở GTVT trình UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
62	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cầu vĩnh cửu, cầu tạm	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
63	Thủ tục cho ý kiến xây dựng cầu quay, cầu cát, cầu nâng hạ, cầu phao; âu tàu, đập, thủy điện, thủy lợi, công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp giao thôn	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
64	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
65	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
66	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cầu vĩnh cửu, cầu tạm	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
67	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình ngầm, đường dây, đường ống dưới đáy luồng	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
68	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình ngầm, đường dây, đường ống dưới đáy luồng	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
69	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình khai thác tài nguyên, nạo vét	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
70	Thủ tục cho ý kiến xây khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
71	Thủ tục chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an toàn giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương:	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
72	Thủ tục công bố hạn chế giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
73	Thủ tục công bố hạn chế giao thông đảm bảo an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở GTVT trình UBND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
				tỉnh xem xét công bố
74	Thủ tục công bố hạn chế giao thông tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
X. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA				
75	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
76	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (khai thác trước ngày làm việc 01/01/2005)	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
77	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đóng mới trong nước sau ngày làm việc 01/01/2005)	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
78	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
79	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do thay đổi tính năng kỹ thuật	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
80	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do thay đổi tên	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
81	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
82	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển quyền sở hữu, thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
83	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
84	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất, hỏng	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
85	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	

XI. LĨNH VỰC THI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

86	Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Cơ sở dạy nghề	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Cơ sở đào tạo
87	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa loại 4	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở GTVT cấp
88	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa loại 4 bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi địa chỉ	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở GTVT cấp

XII. LĨNH VỰC CÔNG BỐ CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

89	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
90	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
91	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài			
92	Thủ tục công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
93	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
94	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài mở rộng hoặc nâng cấp năng lực thông qua cảng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
95	Thủ tục công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
96	Thủ tục công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài do mở rộng hoặc nâng cấp năng lực thông qua	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
XIII. LĨNH VỰC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA				
97	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
98	Thủ tục cấp mới, cấp lại phép hoạt động bến thủy nội địa mở rộng, nâng cấp nâng cao năng lực thông qua	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
99	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
XIV. LĨNH VỰC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG				
100	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
101	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
XV. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
102	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên tuyến đường thủy nội địa	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
103	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
104	Thủ tục cấp phép hoạt động vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
105	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch	08 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
106	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch bị mất, bị hỏng	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
107	Thủ tục phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới dùng để chở hành khách và xe ô tô	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	

10. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. Lĩnh vực quản lý công sản			
1	Thủ tục xác lập sở hữu nhà nước đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
2	Thủ tục xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp của người sử dụng đất	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
3	Thủ tục báo cáo kê khai TSNN tại cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao, quản lý sử dụng TSNN	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
4	Thủ tục điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang ngành điện quản lý	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
5	Thủ tục hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
6	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
7	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
8	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
9	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc
10	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
11	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
	a,b,c,d,đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công		
12	Quyết định điều chuyển tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
13	Quyết định bán tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
14	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc
15	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc
16	Quyết định thanh lý tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
17	Quyết định tiêu hủy tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
18	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
19	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
20	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc
21	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc
22	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc
23	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc
24	Thủ tục Mua quyền hóa đơn	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
25	Thủ tục Mua hóa đơn lẻ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
III. Lĩnh vực tài chính doanh nghiệp			
26	Thủ tục chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
27	Thủ tục chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
28	Thủ tục thẩm định mua bán tài sản vượt quá thẩm quyền của doanh nghiệp	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
29	Thủ tục thẩm định thanh toán khối lượng dịch vụ công ích	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
30	Thủ tục thẩm tra chi phí dịch vụ, sản phẩm công ích	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
31	Thủ tục đánh giá, xếp loại công ty nhà nước	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
32	Thủ tục cấp phát kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
33	Thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm	22 ngày làm việc	17 ngày làm việc
IV. Lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước			
34	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
35	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
36	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (<i>Dùng cho đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách</i>)	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
37	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho dự án đầu tư giai đoạn chuẩn bị đầu tư	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
38	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư giai đoạn thực hiện dự án	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
39	Đăng ký chuyển giai đoạn dự án đầu tư	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
40	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (<i>Dùng cho dự án đầu tư</i>).	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
V. Thanh toán hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			
41	Thủ tục thanh toán hỗ trợ ngân sách nhà nước về tiền thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
42	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ đào tạo tại nguồn nhân lực	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
43	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
44	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
45	Thủ tục thanh toán hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
46	Thủ tục thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
VI. Lĩnh vực hành chính về cơ chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị			
47	Thủ tục xác định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của đơn vị phải thực hiện di dời	45 ngày làm việc	36 ngày làm việc
VII. Lĩnh vực giá			
48	Thủ tục hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
49	Thủ tục đăng ký giá (<i>thực hiện trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá</i>)	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
50	Thủ tục thẩm định phương án giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	15 đến 30 ngày làm việc	12 đến 24 ngày làm việc

11. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I	Lĩnh vực Kiểm lâm – Lâm nghiệp		
1	Thủ tục đóng dấu búa Kiểm lâm	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
2	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển Gấu	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
3	Thủ tục giao nộp gấu cho nhà nước	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
4	Thủ tục xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tịch thu, lâm sản vận chuyển nội bộ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
II	Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
5	Quảng cáo giống cây trồng	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
6	Quảng cáo phân bón	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc
7	Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
8	Cấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
9	Cấp lại GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc

12. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG			
1	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
2	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc
3	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
4	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
II. LĨNH VỰC LUẬT SƯ			
5	Thủ tục đăng ký hành nghề của luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
6	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư khi thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
III. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT			
7	Thủ tục đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
8	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
IV. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ			
9	Thủ tục Công nhận và cấp thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý.	07 ngày làm việc (04 ngày làm việc tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý và 03 ngày	06 ngày làm việc (04 ngày làm việc tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý và 02

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
		làm việc tại Sở Tư pháp).	ngày làm việc tại Sở Tư pháp).
10	Thủ tục Cấp lại Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý.	07 ngày làm việc (04 ngày làm việc tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý và 03 ngày làm việc tại Sở Tư pháp).	06 ngày làm việc (04 ngày làm việc tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý và 02 ngày làm việc tại Sở Tư pháp).
V. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI			
11	Thủ tục thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
12	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc
VI. GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN			
13	Thủ tục Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc
14	Thủ tục cấp thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
15	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
VII. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ THANH LÝ TÀI SẢN			
16	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
17	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
VII. LĨNH VỰC CÔNG NHẬN, MIỄN NHIỆM BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT CẤP TỈNH			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
18	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
19	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
IX. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH			
20	Thủ tục xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
X. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP			
21	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày làm việc nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày làm việc nhận được yêu cầu hợp lệ (đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dưới 14 tuổi và cư trú trong tỉnh An Giang và trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp lần hai tại Sở Tư pháp)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
		xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày làm việc nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.
22	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày làm việc nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày làm việc nhận được yêu cầu hợp lệ (đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dưới 14 tuổi và cư trú trong tỉnh An Giang và trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp lần hai tại Sở Tư pháp)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
		xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày làm việc nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

13. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC ĐIỆN			
1	Thủ tục cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
2	Thủ tục cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
II. LĨNH VỰC DẦU KHÍ			
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
4	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
5	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
7	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
8	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
10	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
11	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc

IV. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc
13	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	30 ngày làm việc	7 ngày làm việc
14	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).	30 ngày làm việc	7 ngày làm việc
15	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực thi hành)	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc
16	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc
17	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	7 ngày làm việc
18	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).	20 ngày làm việc	7 ngày làm việc
19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực thi hành)	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
20	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
21	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
22	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
23	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành).	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
24	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
25	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
26	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
27	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy).	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
28	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
29	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
30	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
31	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy).	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
32	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc
33	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (trường hợp Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực)	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc
35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
36	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
37	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
V. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG			
38	Thủ tục cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc
39	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
40	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc
41	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
	phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy).		
VI. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM			
42	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công thương thực hiện.	27 ngày làm việc	22 ngày làm việc
43	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công thương thực hiện (trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng).	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc
44	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực).	27 ngày làm việc	22 ngày làm việc
45	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công thương thực hiện (trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh).	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc
VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH			
46	Thủ tục đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo qui	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
	định của pháp Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.		
VIII. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI			
47	Thủ tục xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	15 ngày làm việc	7 ngày làm việc
IX. LĨNH VỰC HÓA CHẤT			
48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	12 ngày làm việc
49	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	05 ngày làm việc
50	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	16 ngày làm việc
51	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	12 ngày làm việc
52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	05 ngày làm việc
53	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	16 ngày làm việc

14. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC TÔN GIÁO			
1	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc
2	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
3	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc
4	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
5	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cử trú hợp pháp tại Việt Nam	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
6	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	30 ngày làm việc	30 ngày làm việc
7	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	30 ngày làm việc	30 ngày làm việc
8	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
9	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc
10	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc
11	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	45 ngày làm việc	35 ngày làm việc
12	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	45 ngày làm việc	35 ngày làm việc
13	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc
14	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	20 ngày làm việc	20 ngày làm việc
15	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	20 ngày làm việc	20 ngày làm việc
16	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc
17	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
	đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh		
18	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc
19	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc

15. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC			
1	Thủ tục cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC)	12 ngày	10 ngày

PHẦN II: CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

1. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục thuế tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. Lĩnh vực Thuế			
1	Đề nghị sử dụng hóa đơn tự, đặt in	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc

2. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
A	LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY		
1	Thủ tục thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014	+ Dự án thiết kế quy hoạch: Không quá 10 ngày làm việc. + Thiết kế cơ sở: Không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá 05 ngày làm việc đối	+ Dự án thiết kế quy hoạch: Không quá 08 ngày làm việc. + Thiết kế cơ sở: Không quá 08 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá 04 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
		với dự án nhóm B và C.	đối với dự án nhóm B và C.
		+ Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm A; Không quá 10 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm B và C.	+ Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá 12 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm A; Không quá 08 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm B và C.
		+ Chấp thuận địa điểm xây dựng công trình: Không quá 05 ngày làm việc.	+ Chấp thuận địa điểm xây dựng công trình: Không quá 04 ngày làm việc.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
2	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu	04 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu
4	Thủ tục đổi giấy chứng nhận nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
5	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
B	LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH		
6	Thủ tục cấp thị thực cho người nước ngoài	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
7	Thủ tục giam hạn tạm trú cho người nước ngoài tại An Giang	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
C	LĨNH VỰC CẤP CHỨNG MINH NHÂN DÂN		
8	Thủ tục cấp mới chứng minh nhân dân	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
9	Thủ tục cấp đổi chứng minh nhân dân	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
10	Thủ tục cấp lại chứng minh nhân dân	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
D	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ ANTT		
11	Thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
12	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc
13	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc
Đ	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CON DẤU		
14	Thủ tục đăng ký mẫu con dấu mới	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc

3. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
1	Cấp lại, đổi thẻ BHYT không thay đổi thông tin	03 ngày	Giải quyết ngay trong ngày